

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(Dạng đầy đủ)****NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,553,899,498,270	2,685,376,862,037
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	150,839,591,519	286,588,565,310
1. Tiền	111		150,839,591,519	286,588,565,310
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		169,275,191,322	251,008,141
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	169,275,191,322	251,008,141
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,463,703,453,537	1,488,955,602,878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	975,983,161,847	987,057,757,479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	107,351,221,237	88,468,877,119
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	347,350,000,000	376,250,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	36,007,919,644	39,324,676,406
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,988,849,191)	(2,145,708,126)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		738,865,051,570	879,483,984,161
1. Hàng tồn kho	141	V.8	824,251,683,786	931,918,107,880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(85,386,632,216)	(52,434,123,719)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31,216,210,322	30,097,701,547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10,497,995,085	489,965,258
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,212,573,735	28,705,608,121
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		505,641,502	902,128,168
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		996,425,890,075	973,437,569,869
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,167,461,625	3,512,575,108
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	2,309,113,483
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,167,461,625	1,203,461,625
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		340,992,311,811	318,080,032,152
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	282,744,246,798	263,384,204,505
<i>Nguyên giá</i>	222		862,542,883,067	780,258,596,196
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(579,798,636,269)	(516,874,391,691)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	58,248,065,013	54,695,827,647
<i>Nguyên giá</i>	228		61,168,062,440	57,150,167,140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,919,997,427)	(2,454,339,493)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		98,639,026,467	72,518,703,862
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	98,639,026,467	72,518,703,862
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		524,824,255,639	542,070,849,904
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	606,449,611,404	599,104,611,404
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	17,275,069,978	19,547,729,978
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(98,900,425,743)	(76,581,491,478)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30,802,834,533	37,255,408,843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	24,574,938,114	37,255,408,843
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6,227,896,419	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,550,325,388,345	3,658,814,431,906

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		1,415,502,491,150	1,672,909,936,287
I. Nợ ngắn hạn		310		1,346,704,180,303	1,637,752,686,341
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	206,919,419,420	136,433,002,290
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	10,717,718,684	10,969,704,729
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	86,094,907,427	22,113,711,937
4.	Phải trả người lao động	314	V.16	82,583,206,225	77,050,842,846
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	15,262,698,030	7,232,228,469
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	417,212,363,487	432,413,808,106
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	445,476,848,182	856,436,386,438
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	33,566,154,322	43,100,000,000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	48,870,864,526	52,003,001,526
13.	Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		68,798,310,847	35,157,249,946
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		61,527,365,847	35,157,249,946
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		7,270,945,000	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,134,822,897,195	1,985,904,495,619
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,134,822,897,195	1,985,904,495,619
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(3,015,672,745)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	997,389,395,295	845,455,320,974
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		594,700,613,474	617,318,737,342
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		402,688,781,821	228,136,583,632
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,550,325,388,345	3,658,814,431,906



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 01 năm 2017




Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 năm 2016

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Đơn vị tính: VND	
			Quý 4.2016	Quý 4.2015		
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,314,687,023,153	1,282,562,235,241	5,645,971,799,161	5,258,485,404,652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11,144,573,246	19,619,704,034	50,955,874,033	26,725,406,974
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,303,542,449,907	1,262,942,531,207	5,595,015,925,128	5,231,759,997,678
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,138,637,506,001	1,109,752,417,645	4,773,916,834,911	4,597,241,996,296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164,904,943,906	153,190,113,562	821,099,090,217	634,518,001,382
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34,751,524,571	22,347,624,754	86,407,456,298	168,511,720,116
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	20,778,140,498	42,863,190,459	88,789,905,291	211,041,914,603
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,493,566,310	14,654,361,777	42,837,862,027	39,384,755,852
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	63,399,396,311	73,567,792,731	271,875,941,636	257,092,985,257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	20,792,326,270	15,395,286,356	69,880,058,010	66,609,552,622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94,686,605,398	43,711,468,770	476,960,641,578	268,285,269,016
11. Thu nhập khác	31	VI.8	11,461,552,401	(1,768,386,509)	18,666,839,472	5,888,409,733
12. Chi phí khác	32	VI.9	9,612,438,790	(2,120,962,753)	13,549,707,155	3,284,997,016
13. Lợi nhuận khác	40		1,849,113,611	352,576,244	5,117,132,317	2,603,412,717
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96,535,719,009	44,064,045,014	482,077,773,895	270,888,681,733
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	17,245,159,420	2,542,266,784	85,616,888,493	42,752,098,101
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5,034,923,148	-	(6,227,896,419)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74,255,636,441	41,521,778,230	402,688,781,821	228,136,583,632
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	-	-	-	-

19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

71

Đồng (chấp) ngày 18 tháng 01 năm 2017



Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		482,077,773,895	270,888,681,733
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	67,974,199,814	44,478,749,525
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.7, V.8	53,851,683,149	34,298,848,726
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5, VI.6	(3,107,653,408)	13,359,987,427
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(51,682,738,366)	(42,867,627,434)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	42,837,862,027	16,948,760,403
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		591,951,127,111	337,107,400,380
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,807,357,427)	(13,749,794,298)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		107,666,424,094	(162,897,011,187)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		29,311,328,974	148,499,120,805
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,672,440,902	5,384,228,819
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(42,837,862,027)	(16,948,760,403)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(17,870,899,274)	(23,576,256,837)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(23,133,937,000)	(8,015,088,018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		642,951,265,353	265,803,839,261
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11, V.1	(100,535,233,014)	(39,697,033,007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	564,646,457	3,000,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,138,439,827,331)	(138,650,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		998,315,644,150	240,059,791,129
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(512,830,000)	(3,537,611,404)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28,960,000,000	9,029,550,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi:	27	V.6a, VI.4	51,212,643,941	8,020,098,972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(160,434,955,797)	78,224,795,690

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,015,672,745)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	3,269,136,087,466	3,794,411,356,286
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(3,653,725,509,818)	(4,015,444,376,955)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(230,660,188,250)	1,010,307,660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(618,265,283,347)	(220,022,713,009)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(135,748,973,791)	20,106,024,474
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	286,588,565,310	9,933,761,943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng	61	VI.4	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	150,839,591,519	30,039,786,417

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 01 năm 2017



(Signature)
Trương Thị Lệ Khanh
 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

(Signature)
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

4. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3%	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Chưa hoạt động	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	90%	90%	90%
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100%	100%	100%
Octogone Holdings PTE. Ltd	No.3 Raffles Place#06-01 Bharat Building, Singapore 048617	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100%	100%	100%

Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang đã giải thể ngày 30 tháng 11 năm 2016.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Chi phí vùng nuôi

Chi phí vùng nuôi phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ gồm dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn.

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	447.047.454	1.257.610.636
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	150.392.544.065	285.330.954.674
Cộng	150.839.591.519	286.588.565.310

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	606.449.611.404	(98.900.425.743)	599.104.611.404	(69.677.898.746)
Công ty TNHH lương thực	99.300.000.000	(69.475.830.360)	99.300.000.000	(52.446.770.286)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱ⁾				
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ⁽ⁱⁱ⁾	311.000.000		311.000.000	
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-		155.000.000	
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen ^(iv)	92.500.000.000	(29.424.595.383)	85.000.000.000	(17.231.128.460)
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(v)	409.982.611.404		409.982.611.404	
Octogone Holdings PTE. Ltd ^(vi)	4.356.000.000		4.356.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.275.069.978	-	19.547.729.978	(6.903.592.732)
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.297.729.978		1.297.729.978	
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long ^(vii)	15.977.340.000		18.250.000.000	(6.903.592.732)
Cộng	623.724.681.382	(98.900.425.743)	618.652.341.382	(76.581.491.478)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 14 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần 07 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen là 85.000.000.000 VND, tại ngày kết thúc kỳ kế toán vốn góp của công ty vào công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen là 92.500.000.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200667963 ngày 21 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang là 409.982.611.404 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 201506810H ngày 17 tháng 03 năm 2015 do Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán (ACRA) cấp, vốn góp của Công ty vào Octogone Holdings Pte. Ltd là 700.000 USD, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 200.000 USD. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Octogone Holdings Pte. Ltd là 500.000 USD.

(vi) *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3 chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Cam kết góp vốn

Năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401711796 ngày 16 tháng 10 năm 2013). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	76.581.491.478	41.065.331.360
Trích lập dự phòng bổ sung	22.318.934.265	35.516.160.118
Số cuối năm	<u>98.900.425.743</u>	<u>76.581.491.478</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2	
Mua hàng hóa	8.853.807.530
Mua tài sản cố định	-
Cung cấp dịch vụ	-
Bán hàng hóa	-
Bán tài sản	-
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-
Cho vay ngắn hạn	12.300.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	4.237.115.500
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	
Mua hàng hóa	27.485.659.850
Mua dịch vụ	23.869.928.071
Bán hàng hóa	-
Cung cấp dịch vụ	35.252.354
Bán thành phẩm	4.449.780.000
Bán phụ phẩm	5.506.472.000
Bán nguyên vật liệu	49.812.000
Bán tài sản cố định	-
Cho vay ngắn hạn	44.000.000.000
Lãi cho vay ngắn hạn	8.380.126.888
Octogone Holdings PTE.Ltd	
Góp vốn	-
Bán hàng	72.905.669.614
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	
Bán nguyên vật liệu	7.150.885.907
Bán hàng hóa	-
Bán thành phẩm	-
Doanh thu phí cung cấp dịch vụ	61.925.632.982

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Lãi cho vay	1.974.463.000
Bán tài sản cố định	1.985.000.000
Cho vay ngắn hạn	102.000.000.000
Mua nguyên vật liệu	2.725.143.200
Mua hàng hóa	19.935.262.350
Nhận dịch vụ	2.196.465.863
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.484.408.990.077
Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu	97.664.677.137
Góp vốn	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.161.247.056</i>	<i>16.144.583.875</i>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	-	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	-	1.512.774.327
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	4.069.417.483	14.000.507.212
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	91.829.573	631.302.336
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>971.821.914.791</i>	<i>970.913.173.604</i>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ	683.767.352.006	812.099.893.610
Các khách hàng trong nước	74.738.904.850	50.725.553.996
Các khách hàng nước ngoài	213.315.657.935	108.087.725.998
Cộng	<u>975.983.161.847</u>	<u>987.057.757.479</u>

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 198.625.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>39.599.380.000</i>	<i>4.500.000.000</i>
Cá nhân có liên quan	25.000.000.000	4.500.000.000
Trương Thị Lệ Khanh	14.599.380.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>67.751.841.237</i>	<i>83.968.877.119</i>
Ông Trần Văn Xường	-	14.528.132.200
Ông Trần Văn Khuôn	22.889.678.200	-
Ông Lâm Quang Thanh	19.934.925.000	5.692.569.800
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	26.174.510.000
Công Ty Cổ Phần Việt An	3.705.000.000	-
Công Ty TNHH Cơ Nhiệt Á Châu	-	-
Các nhà cung cấp khác	21.222.238.037	37.573.665.119
Cộng	<u>107.351.221.237</u>	<u>88.468.877.119</u>

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	82.400.000.000	74.800.000.000
Cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen vay	171.450.000.000	150.450.000.000
Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang vay	93.500.000.000	151.000.000.000
Cộng	347.350.000.000	376.250.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	22.997.583.597	-	6.352.718.569	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen - lãi cho vay phải thu	740.758.000		1.999.627.667	
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen - chi hộ	-		1.500.000	
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	6.634.020.500		2.396.905.000	
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-		-	
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	14.322.403.830		1.416.210.726	
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - lãi cho vay phải thu	81.667.000		5.772.274	
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	1.218.734.267		532.702.902	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	13.010.336.047		32.971.957.837	
Tạm ứng	2.272.990.244		26.942.976.436	
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.502.611.112		-	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.234.734.691		6.028.981.401	
Cộng	36.007.919.644	-	39.324.676.406	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Công ty có khoản nợ xấu là nợ phải thu tiền bán hàng Ông Nguyễn Gia Hùng có giá gốc là 2.145.708.126 VND, thời gian quá hạn trên 03 năm và không thể thu hồi., phải thu tiền bán hàng AL REDA GROUP số tiền 58.144,00 USD, Colorado Boxes Beef Company số tiền 18.661,48 USD, thời gian quá hạn trên 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.145.708.126	1.501.995.688
Trích lập dự phòng bổ sung	843.141.065	643.712.438
Số cuối năm	2.988.849.191	2.145.708.126

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	67.155.530.351	-	46.073.428.602	-
Công cụ, dụng cụ	3.543.815.060	-	1.956.732.509	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	328.730.044.049	-	554.094.908.477	-
Thành phẩm	421.979.532.269	(85.386.632.216)	321.304.669.445	(52.434.123.719)
Hàng hóa	2.842.762.057	-	487.403.706	-
Hàng gửi đi bán	-	-	8.000.965.141	-
Cộng	824.251.683.786	(85.386.632.216)	931.918.107.880	(52.434.123.719)

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 198.625.000.000VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	52.434.123.719	42.438.996.449
Trích lập dự phòng bổ sung	37.952.508.497	9.995.127.270
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	90.386.632.216	52.434.123.719

9. Chi phí trả trước ngắn hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	16.324.711.927	31.399.614.723
Tiền thuê đất	3.113.598.069	4.055.579.778
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.136.628.118	1.800.214.342
Cộng	24.574.938.114	37.255.408.843

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	332.808.675.698	424.387.759.324	20.512.614.902	2.549.546.272	780.258.596.196
Mua trong năm	225.810.909	33.257.816.094	4.500.000.000	2.294.688.000	40.278.315.003

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Đầu tư					
XDCB hoàn thành	23.307.850.736	32.921.453.031	-	181.898.500	56.411.202.267
Thanh lý, nhượng bán	(6.601.482.310)	(5.131.349.993)	(2.672.398.096)	-	(14.405.230.399)
Số cuối kỳ	349.740.855.033	485.435.678.456	22.340.216.806	5.026.132.772	862.542.883.067
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	152.347.587.844	352.402.882.866	10.818.234.704	1.305.686.277	516.874.391.691
Khấu hao trong năm	35.130.307.781	27.820.982.667	3.955.419.152	601.832.280	67.508.541.880
Thanh lý, nhượng bán	(760.521.847)	(1.491.478.376)	(2.332.297.079)	-	(4.584.297.302)
Số cuối kỳ	186.717.373.778	378.732.387.157	12.441.356.777	1.907.518.557	579.798.636.269
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	180.461.087.854	71.984.876.458	9.694.380.198	1.243.859.995	263.384.204.505
Số cuối kỳ	163.023.481.255	106.703.291.299	9.898.860.029	3.118.614.215	282.744.246.798

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 91.979.237.525 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	56.208.060.350	942.106.790	57.150.167.140
Mua trong năm	3.899.050.000	118.845.300	4.017.895.300
Số cuối kỳ	60.107.110.350	1.060.952.090	61.168.062.440
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.741.562.301	712.777.192	2.454.339.493
Khấu hao trong năm	371.417.249	94.240.685	465.657.934
	2.112.979.550		
Số cuối kỳ		807.017.877	2.919.997.427
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	54.466.498.049	229.329.598	54.695.827.647

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ	<u>57.994.130.800</u>	<u>253.934.213</u>	<u>58.248.065.013</u>

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 17.128.251.965 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	55.734.421.024	51.365.761.158	(29.431.227.009)	(178.424.825)	77.490.530.348
XDCB dở dang	16.784.282.838	38.840.261.623	(26.979.975.258)	(7.496.073.084)	21.148.496.119
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>7.821.117.471</i>	<i>11.590.840.224</i>	<i>(11.479.134.003)</i>	<i>(6.001.823.463)</i>	<i>1.931.000.229</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>8.963.165.367</i>	<i>27.249.421.399</i>	<i>(15.500.841.255)</i>	<i>(1.494.249.621)</i>	<i>19.217.495.890</i>
Cộng	<u>72.518.703.862</u>	<u>90.206.022.781</u>	<u>(56.411.202.267)</u>	<u>(7.674.497.909)</u>	<u>98.639.026.467</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.182.226.570	1.082.699.650
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	483.315.300	1.082.699.650
Công ty CP Vĩnh Hoàn Collagen	5.698.911.270	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	200.737.192.850	135.350.302.640
Ông Trần Minh Triết	7.849.784.220	38.386.331.070
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	26.885.567.050	14.380.004.380
Công Ty Cổ Phần Pilmico VHF	9.100.424.578	1.155.825.418
Các nhà cung cấp khác	156.901.417.002	81.428.141.772
Cộng	<u>206.919.419.420</u>	<u>136.433.002.290</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	3.322.693.884	3.532.558.777
Các khách hàng nước ngoài	7.395.024.800	7.437.145.952
Cộng	<u>10.717.718.684</u>	<u>10.969.704.729</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	118.764.214	1.126.021.309	(1.126.021.309)	-	118.764.216
Thuế xuất, nhập khẩu	-	783.363.954	483.977.316	(87.490.648)		386.877.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.542.537.486	-	85.616.888.493	(17.870.899.274)	85.288.526.705	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.571.174.451	-	16.546.266.719	(20.311.060.448)	806.380.722	-
Tiền thuê đất	-	-	2.359.503.768	(2.359.503.768)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	101.582.180	(101.582.180)	-	-
Cộng	22.113.711.937	902.128.168	106.234.239.785	(41.856.557.627)	86.094.907.427	505.641.502

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy hải sản với thuế suất 15%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. **Phải trả người lao động**
Tiền lương còn phải trả người lao động.
17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**
Chi phí dịch vụ phải trả.
18. **Phải trả ngắn hạn khác**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	394.723.843.191	410.067.878.619
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	384.239.035.552	405.077.147.026
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	-	529.744.793
VINH HOAN USA	8.351.250.000	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	2.133.557.639	4.460.986.800
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	22.488.520.296	22.345.929.487
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	180.012.000	85.492.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.308.508.296	22.260.436.737
Cộng	417.212.363.487	432.413.808.106

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾	288.372.313.225	107.402.602.302
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	-	704.483.784.136
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	114.554.534.957	17.500.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ^(iv)	-	5.100.000.000
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(v)	42.550.00.000	21.950.000.000
Cộng	445.476.848.182	856.436.386.438

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng bột, mỡ cá (xem thuyết minh V.10 và V.11).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và tài sản cố định thuộc phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.10 và V.11).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).

(v) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản thế chấp để đảm bảo.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	856.436.386.438	1.767.545.055.412
Số tiền vay phát sinh	3.242.765.971.562	6.436.590.101.587

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số tiền vay đã trả	(3.653.725.509.818)	(7.347.698.770.561)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-
Số cuối năm	445.476.848.182	856.436.386.438

19b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí hợp lý liên quan đến việc đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mỡ cá. Lãi suất cho vay trong hai năm đầu kể từ ngày giải ngân bằng trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ, thời gian còn lại bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ do bên cho vay công bố + biên độ cố định 02%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay nói trên. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	35.157.249.946
Số tiền vay phát sinh	26.370.115.901
Số tiền vay đã trả	-
Số cuối kỳ	61.527.365.847

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	52.003.001.526	20.000.000.000	-	(23.133.337.000)	48.869.664.526
Quỹ phúc lợi	-	-	1.200.000	-	1.200.000
Cộng	52.003.001.526	20.000.000.000	1.200.000	(23.133.337.000)	48.870.864.526

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	228.136.583.632	228.136.583.632
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	(92.403.943.000)	(92.403.943.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Trích các quỹ	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	924.039.430.000	216.409.744.645	-	845.455.320.974	1.985.904.495.619
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	845.455.320.974	1.985.904.495.619
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	402.688.781.821	402.688.781.821
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3.015.672.745)	-	(3.015.672.745)
Chia cổ tức	-	-	-	(230.754.707.500)	(230.754.707.500)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	924.039.430.000	216.409.744.645	(3.015.672.745)	997.389.395.295	2.134.822.897.195

22b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	102.060	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	407.266.105.752	387.149.424.841
Doanh thu bán thành phẩm	4.219.032.587.353	3.940.214.134.109
Doanh thu bán nguyên vật liệu	11.189.817.207	92.648.954.297
Doanh thu bán phụ phẩm	942.895.770.077	783.751.206.745
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.587.518.772	54.721.684.660
Cộng	5.645.971.799.161	5.258.485.404.652

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty chỉ phát sinh việc cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức với số tiền là 1.010.922.323 VND.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	16.027.625.008	13.478.544.304
Giảm giá hàng bán	34.928.249.025	13.246.862.670
Cộng	50.955.874.033	26.725.406.974

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	367.705.334.085	361.110.418.013
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.497.742.093.570	3.335.714.912.965
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	11.000.365.951	90.894.505.825
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	864.516.532.808	799.527.032.223
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	32.952.508.497	9.995.127.270
Cộng	<u>4.773.916.834.911</u>	<u>4.597.241.996.296</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	27.907.847.112	43.843.046.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	45.436.588	132.297.311
Lãi tiền cho vay	14.591.705.388	19.277.566.470
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	7.987.243.704	7.078.813.830
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	31.709.852.809	96.504.249.266
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.579.511.580	-
Cổ tức	585.859.117	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.675.746.794
Cộng	<u>86.407.456.298</u>	<u>168.511.720.116</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	42.837.862.027	39.384.755.852
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	22.318.934.265	35.516.160.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	22.774.190.663	131.110.048.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	471.858.172	5.030.950.554
Chi phí khác	387.060.164	-
Cộng	<u>88.789.905.291</u>	<u>211.041.914.603</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	18.308.705.891	14.235.483.348
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	268.406.064	138.308.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.559.373.654	150.484.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.693.566.380	167.369.182.224
Chi phí khác	82.045.889.647	75.199.526.801
Cộng	<u>271.875.941.636</u>	<u>257.092.985.257</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	26.924.119.032	27.061.030.024
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.466.624.125	6.520.982.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.322.488.401	10.878.279.438
Thuế, phí và lệ phí	101.582.180	400.600.869

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.496.163	153.178.689
Chi phí khác	25.024.748.109	21.595.480.629
Cộng	69.880.058.010	66.609.552.622
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.448.636.364	3.283.285.104
Các khoản nợ không phải trả	4.242.239.426	202.949.934
Bán phế liệu	1.628.215.816	2.210.895.774
Thu nhập khác	9.347.747.866	191.278.921
Cộng	18.666.839.472	5.888.409.733
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	20.834.447	575.052.024
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	2.883.989.907	-
Chi phí khác	10.644.882.801	2.709.944.992
Cộng	13.549.707.155	3.284.997.016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty phát sinh giao dịch mua nguyên vật liệu của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 54.554.957.660 VND, bán hàng 32.636.033.000 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, ngoài số dư được trình bày tại thuyết minh số V.4 và V.6.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Octogone Holdings PTE. Ltd

Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty con

Công ty con

Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn có phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức như sau:

Mua hàng hóa, dịch vụ
Ủy thác xuất khẩu
Bán tài sản cố định
Nhận ủy thác xuất khẩu

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

29.861.699.261

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 01 năm 2017



Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng/Người lập



Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị